TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 28/2023/HNGĐ-PT
Ngày: 19 - 9 - 2023

V/v xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản để thi hành án

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Nhân
Các Thẩm phán: Ông Dương Hùng Quang
Bà Châu Minh Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Vũ Phong là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Điện – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 23/2023/TLPT-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2023, về việc: X*ác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản để thi hành án*.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 32/2023/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện N Cbị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 29/2023/QĐ-PT ngày 07 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Ánh M, sinh năm 1969; địa chỉ cư trú: Khóm 3, thị trấn N C, huyện N C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1954; địa chỉ cư trú: Ấp O N, xã L H, huyện N C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

Bà Trần Thị Mai P, sinh năm 1961; địa chỉ cư trú: Đăng ký thường trú: Ấp O N, xã L H, huyện N C, tỉnh Cà Mau; tạm trú số: 23/46 N H T, phường T T, quận T P, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Tòa án không triệu tập)*:

1. Ban quản lý rừng phòng hộ B T; địa chỉ: Ấp G C, xã N V K, huyện P T, tỉnh Cà Mau.

2. Chi cục Thi hành án dân sự huyện N C; địa chỉ: Khóm 4, thị trấn N C, huyện N C, tỉnh Cà Mau.

3. Ngân hàng N n và P t n t Việt Nam; địa chỉ: Số 2, đường L H, phường Th C, quận B Đ, thành phố Hà Nội.

4. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1964;

5. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1980;

6. Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1980;
7. Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1986;
8. Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1988;
9. Chị Nguyễn Tuyết M1, sinh năm 1990;
Cùng địa chỉ cư trú: Ấp O N, xã L H, huyện N C, tỉnh Cà Mau.
- *Người kháng cáo*: Ông Nguyễn Văn G là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn Nguyễn Ánh M trình bày: Ngày 01/9/2017, bà Nguyễn Ánh M khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định phần đất nuôi trồng thủy sản, diện tích 52.084,30 m^2 thửa 32 + 46, khoảnh 5, tiểu khu 146, tờ bản đồ số 21 nhận giao khoán của Ban quản lý rừng phòng hộ N C(nay là Ban quản lý rừng phòng hộ B T), đất tọa lạc tại ấp O N, xã L H, huyện N Cvà 03 phần đất tọa lạc tại khóm 3, thị trấn N C, huyện N Cgồm: Phần đất diện tích 371 m^2 thửa 69, tờ bản đồ 35; phần đất diện tích 142,4 m^2 thửa 7, 19, tờ bản đồ 35; phần đất diện tích 146,7 m^2 thửa 10, 14, 15, tờ bản đồ 35 là tài sản chung của ông Nguyễn Văn G và bà Trần Thị Mai P để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của bà P đối với bà M theo bản án số: 24/2016/DS-ST ngày 23/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện N Cđã có hiệu lực chưa được thi hành. Ngày 10/5/2022, bà M khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án xác định thêm các tài sản gồm: Phần đất diện diện tích 58.358,3 m^2, thuộc thửa 16 + 120 khoảnh 63; phần đất diện diện tích 112.517,3 m^2, thuộc thửa 04 + 06 khoảnh 63; phần đất diện diện tích 52.612,9 m^2, thuộc thửa 15 + 24 khoảnh 63 cùng là đất nuôi trồng thủy sản tọa lạc tại ấp O N, xã L H, huyện N C, tỉnh Cà Mau và xe mô tô loại Airblade, biển kiểm soát 69 N1-3556; xe mô tô loại Future II, biển kiểm soát 69 F8-3885 là tài sản chung của ông G và bà P để thi hành án.

Theo bị đơn Nguyễn Văn G trình bày: Ông Nguyễn Văn G không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của bà M, vì: Bà P nợ bà M 335.000.000 đồng, tháng 4/2016 bà P chuyển nhượng 01 nền nhà chiều ngang 8m, dài 70m, tọa lạc khóm 3, thị trấn N C, huyện N C, giá trị 800.000.000 đồng là tài sản riêng của bà P cho bà M. Bà M quản lý nền nhà và giữ luôn số tiền còn lại sau khi thanh toán nợ là 465.000.000 đồng, đây là khoản tiền của riêng bà P. Phần đất diện diện tích 52.084,30 m^2 nhận giao khoán của Ban quản lý rừng phòng hộ N Ctọa lạc tại ấp O N, xã L H, huyện N Clà đất của riêng ông G. Ông G cho vợ chồng bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn Tiền mượn 2,4 ha để nuôi mẹ ruột ông G, phần đất do ông Tiền đứng tên sổ hợp đồng giao khoán với Ban quản lý rừng phòng hộ huyện N C. Hiện nay bà L và ông Tiền đã ly hôn, phần đất này giữa ông G với bà L và ông Tiền không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án xem xét. Đối với các phần đất nuôi trồng thủy sản khác tọa lạc tại ấp O N, xã L H, huyện N C, tỉnh Cà Mau gồm: Phần đất diện diện tích 58.358,3 m^2, thuộc thửa 16 + 120 khoảnh 63; phần đất diện diện tích 112.517,3 m^2, thuộc thửa 04 + 06 khoảnh 63; phần đất diện diện tích 52.612,9 m^2, thuộc thửa 15 + 24 khoảnh 63 đều là tài sản riêng của ông G, mặt dù có 03 sổ hợp đồng giao khoán nhưng thực tế chưa phân chia ranh giới. Nguồn gốc các phần đất này do ông G tự khai phá. Hiện tại ông G đã thế chấp 01 sổ hợp đồng giao khoán phần đất diện diện tích 52.612,9 m^2, thuộc thửa 15 + 24 khoảnh 63, tọa lạc tại ấp O N, xã L H, huyện N C, tỉnh Cà Mau cho Ngân hàng N n và P t n t Việt Nam chi

nhánh huyện N C, vay 200 triệu vào đầu năm 2021 để cho bạn của ông mượn làm ăn. Ông G không yêu cầu Tòa án xem xét việc cho mượn tiền. Đối với xe mô tô hiệu Airblade, biển kiểm soát 69 N1-3556, ông G đứng tên đang quản lý, giá trị khi mua trên 60 triệu, là xe riêng của ông G; xe mô tô hiệu Future II, biển kiểm soát 69 F8-3885, bà P đứng tên và đang quản lý, giá trị khi mua trên 20 triệu, là tiền của ông G mua cho bà P. Tài sản chung giữa ông G và bà P đã phân chia vào năm 2012, bà P đã được nhận khối tài sản nhiều hơn ông nên bà M yêu cầu xác định tài sản chung nêu trên để đảm bảo thi hành án là không hợp lý. Ngày 04/8/2022, ông G có đơn phản tố yêu cầu Tòa án xem xét phần đất bà P quản lý diện tích 480m^2 và số tiền 600.000.000 đồng là tài sản chung của ông G và bà P. Tại phiên tòa sơ thẩm ông G rút yêu cầu phản tố.

Theo bị đơn Trần Thị Mai P trình bày: Bà P có vay tiền của bà M 335.000.000 đồng, tháng 4/2016 bà P chuyển nhượng cho bà M một nền nhà ngang 08m, dài 70m tại khu vực 3, khóm 3 thị trấn N C, huyện N C, tỉnh Cà Mau với số tiền 800.000.000 đồng để trừ khoản nợ vay 335.000.000 đồng. Số tiền còn lại bà P dự định làm vốn để kiếm tiền đóng hụi tiếp cho bà M nhưng bà M không giao số tiền dư còn lại dẫn đến bà P không có khả năng đóng hụi tiếp cho bà M. Đến tháng 4/2018 âm lịch hụi mãn, bà P nợ bà M 1.100.000.000 đồng, trừ đi khoản tiền bà M đang giữ của bà P thì bà P chỉ còn nợ bà M 635.000.000 đồng. Việc bà M kiện bà P theo bản án buộc thanh toán 1.100.000.000 đồng là không đúng.

Tại Công văn số 62/BQL ngày 04/5/2023 và ý kiến trình bày của Ban quản lý rừng phòng hộ B T: Ông Nguyễn Văn G là người đứng tên ký hợp đồng giao nhận khoán quản lý bảo vệ rừng với đơn vị gồm: Hợp đồng giao nhận khoán rừng và đất rừng sản xuất số 000074, thửa 32+46, khoảnh 57, tiểu khu 146, tờ bản đồ số 21, tọa lạc ấp O N, xã L H, huyện N C, tỉnh Cà Mau, diện tích giao khoán 52.084,3 m^2, loại rừng sản xuất. Hợp đồng giao nhận khoán rừng và đất rừng sản xuất số 000615, thửa 15+24, khoảnh 63, tiểu khu 151, tờ bản đồ số 24, tọa lạc ấp O N, xã L H, huyện N C, tỉnh Cà Mau, diện tích giao khoán 52.612,9 m^2, loại rừng sản xuất. Hợp đồng giao nhận khoán rừng và đất rừng sản xuất số 000616, thửa 16+120, khoảnh 63, tiểu khu 151, tờ bản đồ số 20, tọa lạc ấp O N, xã L H, huyện N C, tỉnh Cà Mau, diện tích giao khoán 58.358,3 m^2, loại rừng sản xuất. Hợp đồng giao nhận khoán rừng và đất rừng sản xuất số 000617, thửa 4+6, khoảnh 63, tiểu khu 151, tờ bản đồ số 20, tọa lạc ấp O N, xã L H huyện N C, tỉnh Cà Mau, diện tích giao khoán 112,517,3 m^2; loại rừng sản xuất. Theo quy định của pháp luật, đất rừng được giao khoán cho hộ dân trên lâm phần không thuộc trường hợp được kê biên, tách thửa để đấu giá thi hành án.

Tại Công văn số 303/CCTHADS ngày 18/6/2021 và ý kiến của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N C: Đơn vị đang thụ lý thi hành Bản án số: 24/2016/DS-ST ngày 23/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện N C; Quyết định số: 37/2016/QĐ-PT ngày 01/12/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau. Tuyên xử: Buộc bà Trần Thị Mai P, địa chỉ khóm 3, thị trấn N C, huyện N C, tỉnh Cà Mau có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Ánh M nợ hụi với tổng số tiền là 1.110.000.000 đồng (một tỷ một trăm mười triệu đồng) và lãi suất chậm thi hành án. Qua xác minh, Chi cục Thi hành án dân sự huyện N Cđược biết bà Trần Thị Mai P có tài sản chung với ông Nguyễn Văn G (là chồng của bà P) giai đoạn từ năm 1998 đến năm 2016 gồm: Phần đất ở thuộc khu vực 3, khóm 3, thị trấn N C, nguồn gốc đất sang nhượng từ

ông Trần Văn Thuận, ngang 7,5m x dài kéo thẳng ra sông, phía Đông giáp đất Tám Chuối, phía Tây giáp nhà Mười Vũ (đất không có tranh chấp). Phần đất ở thuộc khu vực 3, khóm 3, thị trấn N Cnguồn gốc đất sang từ ông Mai Văn Ni ngang 05m x dài 20m, mặt tiền giáp đường Hồ Chí Minh, hậu giáp sông trên phần đất có căn nhà tạm bằng với diện tích đất. Quá trình tổ chức thi hành án, do các bên đương sư không thỏa thuận phân chia tài sản chung. Căn cứ quy định tại Điều 74 Luật Thi hành án dân sự, để đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, Chi cục Thi hành án dân sự huyện N Cđã có thông báo đến các đương sự về việc phân chia tài sản chung hoặc khởi kiện tại Tòa án.

Tại Công văn số 03/CV-NHNoNC ngày 24/01/2022 và ý kiến của Ngân hàng N n và P t n t Việt Nam Chi nhánh huyện N C: Ngày 02/12/2019 ông Nguyễn Văn G có ký hợp đồng tín dụng vay vốn tại NHNo&PTNT huyện N C(Agribank) số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Vay tín chấp, Ngân hàng có giữ Hồ sơ giao nhận khoán rừng và đất rừng sản xuất số 006615 do hộ nhận khoán Nguyễn Văn G đại diện đứng tên. Ý kiến của Agribank huyện N Công Nguyễn Văn G vay vốn không vi phạm nghĩa vụ đối với hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng không khởi kiện, nếu sau này có vi phạm phía Ngân hàng sẽ khởi kiện sau.

Theo bà Nguyễn Thị L trình bày: Năm 1984, anh của bà là ông G có khai phá phần đất tại thửa số 703, khoảnh 57, tiểu khu 146. Năm 1997, ông G cho bà L mượn làm toàn bộ Kinh Đào ngang 02 m. Khoảng 02 năm sau bà L cải tạo lại bằng xáng ngang 05 m hết chu vi đất trong vuông, bà L khai phá được khoảng 800 m^3, cống làm xi măng 0,9 m dài 8 m, bà L đang canh tác.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 32/2023/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện N C, quyết định: Áp dụng các Điều 33, 37, 38, 42 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 74 Luật thi hành án dân sự; các điều 12, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ánh M về xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản để thi hành án đối với bà Trần Thị Mai P trong khối tài sản chung giữa ông Nguyễn Văn G và bà Trần Thị Mai P.

Bà Trần Thị Mai P có quyền sở hữu về tài sản, quyền sử dụng đất đối với các tài sản chung giữa ông G và bà P bao gồm: 03 phần đất tọa lạc tại khóm 3, thị trấn N C, huyện N C, tỉnh Cà Mau và 04 phần đất lâm nghiệp đứng tên ông G hợp đồng giao khoán tọa lạc tại ấp O N, xã L H, huyện N Cvà 02 xe mô tô gồm:

Phần đất thửa số 69, tờ bản đồ số 35, diện tích 371 m^2, chiều ngang 05 m, mặt tiền giáp đường Hồ Chí Minh, hậu giáp đất ông Châu Ngọc Thuận, chiều dài một cạnh phía Đông dài 58,95 m giáp đất bà Phạm Thị Liên, một cạnh Tây 58,72 m giáp đất ông Nguyễn Văn Hở;

Phần đất thửa số 7,19, tờ bản đồ số 35, diện tích 142,4 m^2, chiều ngang 4,96 m mặt tiền giáp đường Hồ Chí Minh, hậu giáp Kênh Xẻo Nạn, chiều dài một cạnh phía Đông dài 28,78 m giáp đất bà Nguyễn Thị Huyền, một cạnh phía Tây giáp đất ông Cao Minh Tuyền, trên đất có căn nhà cấp 4 diện tích 84 m^2 (ngang 9.96 m, dài 16.9 m);

Phần đất thửa số 10, 14, 15 tờ bản đồ số 35, diện tích 146,7 m^2, chiều ngang 7,50 m mặt tiền giáp đường Hồ Chí Minh, hậu giáp Kênh Xẻo Nạn, chiều dài một

cạnh phía Đông dài 19,62 m giáp đất ông Tô Minh Thảo, một cạnh phía Tây dài 19,62 m giáp đất ông Mai Tấn Bửu;

Diện tích 52.612,9 m^2, thuộc thửa 15+24, khoảnh 63, tiểu khu 151, tờ bản đồ số 24, mặt tiền giáp rạch Cá Nâu, mặt hậu giáp kinh Ông Ngươn, mặt tiền nhìn vào vách phải giáp phần đất của bà Mã Thúy Thượng và ông Tô Văn Đăng, mặt tiền nhìn vào vách trái giáp phần đất diện tích 58.358,3 m^2 của ông G;

Diện tích giao khoán 58.358,3 m^2, thuộc thửa 16+120, khoảnh 63, tiểu khu 151, tờ bản đồ số 20, mặt tiền giáp rạch Cá Nâu, mặt hậu giáp kinh Ông Ngươn, mặt tiền nhìn vào vách trái giáp phần đất 112.517,3 m^2 của ông G, mặt tiền nhìn vào vách phải giáp phần đất diện tích 52.612,9 m^2 của ông G;

Diện tích giao khoán 112.517,3 m^2, thuộc thửa 4+6, khoảnh 63, tiểu khu 151, tờ bản đồ số 20, mặt tiền giáp rạch Cá Nâu, mặt hậu giáp kinh Phó Thơ, mặt tiền nhìn vào vách phải giáp phần đất 58.358,3 m^2 của ông G, mặt tiền nhìn vào vách trái giáp phần đất của ông Phạm văn Lượng;

Diện tích giao khoán 52.084,3 m^2, thuộc thửa 32+46, khoảnh 57, tiểu khu 146, tờ bản đồ số 21;

01 xe mô tô hiệu Airblade, biển số kiểm soát 69N1-3556, do ông G đứng tên, 01 xe mô tô loại Future II, biển kiểm soát 69 F8-3885, do bà P đứng tên.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn G với bà Trần Thị Mai P về chia tài sản sau khi ly hôn.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 29/5/2023, ông Nguyễn Văn G kháng cáo yêu cầu sửa toàn bộ án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Ánh M và buộc nguyên đơn phải chịu chi phí tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn bà Nguyễn Ánh M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị giữ y bản án sơ thẩm.

Bị đơn ông Nguyễn Văn G giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị không chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn, nguyên đơn phải chịu chi phí tố tụng. Yêu cầu bà M trả lại nền nhà sẽ đồng ý trả đủ tiền cho bà M.

Bị đơn bà Trần Thị Mai P xác định không bán nền nhà cho bà M giá 650.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng quy định của pháp luật tố tụng; các đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự được pháp luật quy định;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn G; sửa một phần bản án sơ thẩm, không công nhận quyền sử dụng tài sản chung của bà Trần Thị Mai P đối với 04 phần đất nuôi trồng thủy sản do ông G đứng tên hợp đồng giao khoán đất rừng với Ban quản lý rừng Biển Tây. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Ông Nguyễn Văn G và bà Trần Thị Mai P là vợ chồng sống chung từ năm 1998, không đăng ký kết hôn, có 02 con chung, có tài sản chung gồm: 04 phần đất nhận hợp đồng giao khoán đất rừng, 04 phần đất nền (có 01 phần bà P đã bán cho bà M trừ nợ ngày 09/3/2016) và 02 xe mô tô. Ngày 01/01/2012, ông G, bà P có văn bản chia tài sản: Bà P 01 đất nền (đã bán cho bà M) và 600.000.000 đồng. Nhà, đất còn lại giao hết cho ông G (văn bản không công chứng, chứng thực). Ngày 13/5/2015, ông G, bà P có văn bản chia tài sản: Bà P 01 xe Future II, tài sản còn lại 04 phần đất giao khoán rừng, 01 xe Airblade (văn bản có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã ngày 21/4/2016). Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 13/2016/HNGĐ-ST ngày 31/5/2016, Tòa án nhân dân huyện N Cđã xử không công nhận ông G, bà P là vợ chồng, tài sản đương sự tự phân chia Tòa án không giải quyết. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2016/DS-ST ngày 23/9/2016, Tòa án nhân dân huyện N Cđã xử buộc bà P trả nợ cho bà M 1.110.000.000 đồng. Do bà P không thực hiện nghĩa vụ thi hành án, ngày 31/8/2018, Chi cục Thi hành án dân sự huyện N Ccó Thông báo số: 262/TB-CCTH cho bà Nguyễn Ánh M có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng đất của bà Trần Thị Mai P trong khối tài sản chung với ông Nguyễn Văn G gồm: Phần đất ở thuộc khu vực 3, khóm 3, thị trấn N C, nguồn gốc đất sang nhượng từ ông Trần Văn Thuận, ngang 7,5 m x dài kéo thẳng ra sông, phía Đông giáp đất Tám Chuối, phía Tây giáp nhà Mười Vũ. Phần đất ở thuộc khu vực 3, khóm 3, thị trấn N Cnguồn gốc đất sang từ ông Mai Văn Ni ngang 05 m x dài 20 m, mặt tiền giáp đường Hồ Chí Minh, hậu giáp Sông trên phần đất có căn nhà tạm bằng với diện tích đất.

[2] Tại đơn khởi kiện ngày 07 tháng 9 năm 2017 và khởi kiện bổ sung ngày 20 tháng 10 năm 2017, bà Nguyễn Ánh M yêu cầu Toà án công nhận bà Trần Thị Mai P có quyền sở hữu ½ giá trị tài sản trong khối tài sản chung của ông G được cơ quan thi hành án thông báo nêu trên. Phía bị đơn là ông Nguyễn Văn G và bà Trần Thị Mai P không chấp nhận yêu cầu của bà M, có tranh chấp việc xác định quyền sở hữu tài sản trong khối tài sản chung. Ngày 01 tháng 11 năm 2017, Toà án nhân dân huyện N Cthụ lý vụ án dân sự sơ thẩm số: 183/2017/TLDS-ST tranh chấp "*Yêu cầu xác định quyền sở hữu tài sản trong khối tài sản chung để thi hành án"*. Ngày 02 tháng 8 năm 2017, ông Nguyễn Văn G có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án chia tài sản sau khi ly hôn với bà Trần Thị Mai P. Ngày 09 tháng 11 năm 2017, Toà án nhân dân huyện N Cthụ lý vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 187/2017/TLST-HNGĐ tranh chấp "*Chia tài sản sau khi ly hôn"*. Ngày 05 tháng 11 năm 2017, Tòa án nhân dân huyện N Ccó Quyết định số: 05/2017/QĐST-DS nhập vụ án dân sự thụ lý số 183 ngày 01/11/2017 về tranh chấp "*Yêu cầu xác định quyền sở hữu tài sản trong khối tài sản chung để thi hành án"* giữa bà M với ông G, bà P vào vụ án hôn nhân và và gia đình thụ lý số 187 ngày 09/11/2017 về "*chia tài sản sau ly hôn*" giữa ông G với bà P. Lẽ ra, trường hợp này phải nhập vụ án hôn nhân gia đình sang vụ án dân sự để chỉ cần thụ lý giải quyết quan hệ tranh chấp

"*Yêu cầu xác định quyền sở hữu tài sản trong khối tài sản chung để thi hành án*" là đủ.

[3] Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 77/2018/HNGD-ST ngày 20/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện N Cđã xử: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ánh M. Công nhận quyền sở hữu tài sản theo tự phân chia là của ông G. Tại bản án hôn nhân gia đình phúc thẩm số: 45/2019/HNGĐ-PT ngày 15/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đã xử: Hủy bản án sơ thẩm số 77 để xét xử lại. Ngày 18/12/2019, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý lại vụ án hôn nhân gia đình "*Chia tài sản sau ly hôn, yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản trong khối tài sản chung để thi hành án*". Ngày 25/12/2019, ông Nguyễn Văn G có đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Tòa án cấp sơ thẩm không ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hôn nhân gia đình để thụ lý lại vụ án dân sự, chỉ thông báo thay đổi tư cách tố tụng của các đương sự và xét xử quyết định Đình chỉ yêu cầu khởi kiện chia tài sản sau ly hôn giữa ông G với bà P trong các Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 69/2020/HNGĐ-ST ngày 28/9/2020; Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 32/HNGĐ-ST ngày 15/5/2023 là chưa thực hiện đúng Điều 217, 219 Bộ luật Tố tụng dân sự, chưa xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý giải quyết sai loại vụ án.

[4] Tại cấp sơ thẩm, ngày 04/8/2022, ông G có đơn phản tố, yêu cầu Tòa án xem xét phần đất diện tích 480 m^2 bà P được chia, quản lý trước đây và 600.000.000 đồng là tài sản chung giữa ông G với bà P. Tại phiên tòa sơ thẩm ông G rút yêu cầu phản tố này. Bản án sơ thẩm không đình chỉ yêu cầu phản tố của ông G, cũng không đề cập xem xét tài sản này là tài sản chung của ông G, bà P hay tài sản riêng của bà P là thiếu sót, chưa giải quyết toàn diện hết nội dung vụ án.

[5] Theo thông báo 262 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N C, tài sản bà M có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu, quyền sử dụng của bà P trong khối tài sản chung với ông G là Phần đất ở thuộc khu vực 3, khóm 3, thị trấn N C, nguồn gốc đất sang nhượng từ ông Trần Văn Thuận, ngang 7,5 m x dài kéo thẳng ra sông, phía Đông giáp đất Tám Chuối, phía Tây giáp nhà Mười Vũ và Phần đất ở thuộc khu vực 3, khóm 3, thị trấn N Cnguồn gốc đất sang từ ông Mai Văn Ni ngang 05 m x dài 20 m, mặt tiền giáp đường Hồ Chí Minh, hậu giáp Sông trên phần đất có căn nhà tạm bằng với diện tích đất. Quá trình giải quyết vụ án, bà M bổ sung yêu cầu khởi kiện xác định thêm tài sản chung của ông G và bà P gồm 04 phần đất rừng giao khoán, 02 xe mô tô khi chưa phải là tài sản do Chi cục Thi hành án dân sự huyện N Cthông báo cho bà M có quyền khởi kiện nên việc khởi kiện bổ sung thêm tài sản để phân chia của bà M thuộc trường hợp chưa đủ điều kiện khởi kiện theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án cấp sơ thẩm không yêu cầu bà M yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thông báo bổ sung thêm quyền khởi kiện của bà M đối với các tài sản có yêu cầu khởi kiện bổ sung nhưng thụ lý giải quyết đối với yêu cầu bổ sung các tài sản này là chưa đúng trình tự, thủ tục khởi kiện.

[6] Bản án sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M xác định tài sản chung của ông G với bà P để thi hành án nhưng quyết định bà P có quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng đất đối với 03 phần đất ở, nhà ở; 04 phần đất rừng

giao khoán, 02 xe mô tô không xác định rõ phần của bà P là bao nhiêu % trong khối tài sản chung là chưa giải quyết toàn diện vụ án, sẽ chưa thực hiện được việc thi hành án.

[7] Do cấp sơ thẩm có nhiều vi phạm về tố tụng và nội dung, tại phiên Toà phúc thẩm không khắc phục được nên cần huỷ án sơ thẩm giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân huyện N Cgiải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[8] Do huỷ án nên không xem xét yêu cầu kháng cáo của ông G. Án phí phúc thẩm ông Nguyễn Văn G không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308; Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Hủy Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 32/2023/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện N C, tỉnh Cà Mau; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện N Cthụ lý, giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Án phí phúc thẩm ông Nguyễn Văn G không phải chịu. Tiền các bên đương sự đã dự nộp án phí sơ thẩm, phúc thẩm và chi phí tố tụng sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện N C;
- Chi cục THADS huyện N C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM: TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Trọng Nhân